

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy
các ngành đào tạo của Khoa Luật**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 5115/QĐ-ĐHQGHN ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội ban hành Quy chế đào tạo đại học;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Khoa Luật tại công văn số 789/KL-ĐT&CTHSSV ngày 16 tháng 07 năm 2021 về việc đề nghị công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho sinh viên;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đại học chính quy cho **206** sinh viên của Khoa Luật (có tên trong danh sách kèm theo), các ngành đào tạo thuộc các khóa đào tạo sau:

Tên ngành	Khóa QH-2013-L	Khóa QH-2015-L	Khóa QH-2016-L	Khóa QH-2017-L
Luật học		02	08	98
Luật học (CTĐT Chất lượng cao)				13
Luật Kinh doanh	01	01		83
Tổng số	01	03	08	194

Điều 2. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Đào tạo, Chủ nhiệm Khoa Luật và các sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Giám đốc (đề b/c);
- Lưu: VT, ĐT, KH06.

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



[Handwritten signature]

Nguyễn Hoàng Hải

Phụ lục I

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP
VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

*(Kèm theo quyết định số 2277 /QĐ-ĐHQGHN ngày 04 tháng 08 năm 2021
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)*

Đơn vị đào tạo: **Khoa Luật**

Ngành:

Luật học

Chương trình đào tạo: **Chuẩn**

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL toàn khóa	Xếp hạng
Khoá QH-2015-L							
1	15063011	Cao Văn Long	03/05/1994	Nam	Thanh Hóa	2.74	Khá
2	15060613	Vũ Thị Ngọc	31/01/1997	Nữ	Hưng Yên	3.20	Giỏi
Khoá QH-2016-L							
1	16061391	Hoàng Quỳnh Anh	26/12/1998	Nữ	Hà Giang	3.02	Khá
2	16061251	Trịnh Thị Ngọc Hân	08/11/1997	Nữ	Hải Dương	2.75	Khá
3	16061535	Đỗ Quang Khải	07/09/1998	Nam	Thái Bình	2.66	Khá
4	16061422	Trần Thị Diệu Linh	27/06/1998	Nữ	Hà Giang	2.44	Trung bình
5	16061114	Vì Hạnh Linh	27/12/1998	Nữ	Sơn La	2.67	Khá
6	16061522	Nguyễn Hà My	20/02/1997	Nữ	Vĩnh Phúc	3.08	Khá
7	16061052	Đoàn Thị Hồng Nhung	26/07/1998	Nữ	Vĩnh Phúc	2.93	Khá
8	16061316	Nguyễn Thị Quyên	15/09/1998	Nữ	Hưng Yên	2.71	Khá
Khoá QH-2017-L							
1	17060005	Ngô Phương Anh	20/08/1999	Nữ	Hòa Bình	2.50	Khá
2	17060008	Nguyễn Tuấn Anh	03/02/1998	Nam	Hà Nội	3.38	Giỏi
3	17060010	Vũ Thị Phương Anh	23/07/1999	Nữ	Hà Nam	2.63	Khá
4	17060012	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	27/08/1999	Nữ	Phú Thọ	2.98	Khá
5	17060013	Lê Mai Chi	12/10/1999	Nữ	Thái Nguyên	3.25	Giỏi
6	17060028	Nguyễn Khánh Duy	29/06/1999	Nam	Phú Thọ	3.05	Khá
7	17060029	Nguyễn Thị Thu Hà	03/12/1999	Nữ	Thái Bình	2.89	Khá
8	17060030	Nguyễn Thị Thu Hà	26/09/1998	Nữ	Hải Dương	2.85	Khá
9	17060031	Nguyễn Thị Thu Hà	20/10/1999	Nữ	Ninh Bình	3.24	Giỏi
10	17060037	Nguyễn Quang Hào	20/10/1999	Nam	Hà Nội	3.21	Giỏi
11	17060038	Đồng Tâm Hào	29/03/1999	Nữ	Hải Dương	3.25	Giỏi
12	17060039	Bùi Trần Hiếu	17/12/1999	Nam	Hòa Bình	2.91	Khá
13	17060041	Võ Thiều Hoa	18/11/1999	Nữ	Hà Tĩnh	2.57	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL toàn khóa	Xếp hạng
14	17060046	Đỗ Thị Huệ	27/08/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	3.22	Giỏi
15	17060047	Bùi Thị Lan Hương	28/08/1999	Nữ	Ninh Bình	3.30	Giỏi
16	17060056	Tăng Ngọc Lan	13/11/1999	Nữ	Hải Dương	3.24	Giỏi
17	17060059	Nguyễn Diệu Linh	28/10/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	2.81	Khá
18	17060060	Nguyễn Khánh Linh	20/08/1999	Nữ	Phú Thọ	3.64	Xuất sắc
19	17060066	Bùi Thị Lụa	08/01/1999	Nữ	Thái Bình	3.21	Giỏi
20	17060071	Dương Thị Phương Mai	12/07/1999	Nữ	Hà Tĩnh	3.16	Khá
21	17060072	Trần Thị Phượng Mai	22/03/1999	Nữ	Hải Phòng	2.72	Khá
22	17060081	Hoàng Thanh Ngọc	17/07/1999	Nữ	Quảng Bình	3.22	Giỏi
23	17060084	Đào Thị Lan Nhi	08/01/1999	Nữ	Hà Nội	2.98	Khá
24	17060085	Nguyễn Thị Nhi	18/05/1999	Nữ	Bắc Ninh	3.08	Khá
25	17060090	Nông Thị Phượng	14/06/1999	Nữ	Bắc Kạn	2.79	Khá
26	17060091	Trần Thị Kim Phượng	05/04/1999	Nữ	Hải Phòng	3.22	Giỏi
27	17060092	Vũ Ngọc Phượng	14/08/1998	Nữ	Quảng Ninh	3.20	Giỏi
28	17060095	Nguyễn Diễm Quỳnh	12/08/1999	Nữ	Quảng Ninh	3.12	Khá
29	17060098	Nguyễn Ngọc Lâm Tâm	18/11/1999	Nữ	Nghệ An	3.17	Khá
30	17060102	Lê Thị Thu Thảo	04/06/1999	Nữ	Thanh Hóa	3.15	Khá
31	17060106	Đinh Thị Thư	29/09/1999	Nữ	Ninh Bình	3.12	Khá
32	17060108	Bế Thị Hồng Thúy	20/08/1999	Nữ	Lạng Sơn	2.85	Khá
33	17060111	Bùi Thị Thu Trang	04/07/1999	Nữ	Hà Nội	3.00	Khá
34	17060112	Đinh Thị Huyền Trang	13/01/1999	Nữ	Yên Bái	3.27	Giỏi
35	17060113	Hoàng Thị Thu Trang	18/12/1998	Nữ	Phú Thọ	3.26	Giỏi
36	17060114	Hoàng Thu Trang	24/05/1999	Nữ	Yên Bái	3.06	Khá
37	17060118	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/06/1998	Nữ	Hà Nội	2.99	Khá
38	17060120	Nguyễn Kiều Trinh	07/09/1999	Nữ	Thái Nguyên	3.23	Giỏi
39	17060127	Trần Lê Vy	18/05/1999	Nữ	Hòa Bình	2.67	Khá
40	17060128	Lê Thị Xuân	03/02/1999	Nữ	Thanh Hóa	3.21	Giỏi
41	17060141	Mông Văn Bảo	12/02/1998	Nam	Cao Bằng	2.86	Khá
42	17060146	Nùng Thị Diễm	13/02/1998	Nữ	Hà Giang	3.07	Khá
43	17060149	Trần Ngọc Đức	13/09/1994	Nam	Điện Biên	2.84	Khá
44	17060153	Nguyễn Khánh Duy	24/11/1999	Nam	Cao Bằng	2.78	Khá
45	17060156	Triệu Thị Ghén	10/08/1998	Nữ	Cao Bằng	2.88	Khá
46	17060162	Vũ Thị Hồng Hạnh	11/07/1997	Nữ	Thái Nguyên	3.30	Giỏi

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL toàn khóa	Xếp hạng
47	17060168	Sùng Thị Hoa	26/08/1999	Nữ	Điện Biên	2.64	Khá
48	17060174	Trần Thị Thu Hương	01/09/1999	Nữ	Thanh Hóa	2.84	Khá
49	17060175	Đặng Thị Thanh Huyền	18/10/1999	Nữ	Hải Dương	3.64	Xuất sắc
50	17060180	Nguyễn Duy Kiên	23/01/1997	Nam	Thái Nguyên	2.64	Khá
51	17060188	Trần Thị Lệ	10/08/1999	Nữ	Tuyên Quang	3.03	Khá
52	17060196	Vũ Hoàng Ngọc Ly	15/12/1999	Nữ	Nghệ An	3.00	Khá
53	17060198	Nguyễn Hồng Máy	22/04/1999	Nữ	Cao Bằng	2.89	Khá
54	17060204	Trần Trọng Nam	03/11/1998	Nam	Hà Nội	3.33	Giỏi
55	17060207	Nguyễn Thúy Nga	24/02/1999	Nữ	Lào Cai	3.06	Khá
56	17060209	Nguyễn Thị Thùy Ngân	05/02/1999	Nữ	Thái Nguyên	2.96	Khá
57	17060212	Chu Thị Hồng Ngọc	06/07/1999	Nữ	Phú Thọ	3.11	Khá
58	17060216	Đỗ Hồng Nhung	13/06/1999	Nữ	Hà Giang	3.15	Khá
59	17060217	Phí Thảo Nhung	25/03/1999	Nữ	Hà Nội	3.31	Giỏi
60	17060218	Nguyễn Phương Oanh	02/03/1999	Nữ	Hà Tĩnh	3.16	Khá
61	17060220	Chu Hiền Phương	28/08/1999	Nữ	Hà Nội	2.98	Khá
62	17060221	Hà Đức Phương	27/08/1999	Nam	Phú Thọ	3.14	Khá
63	17060222	Hoàng Thị Lan Phương	26/11/1999	Nữ	Tuyên Quang	3.28	Giỏi
64	17060224	Lê Thị Thu Phương	19/05/1999	Nữ	Kon Tum	3.22	Giỏi
65	17060230	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	05/10/1999	Nữ	Quảng Trị	3.08	Khá
66	17060234	Đồng Thị Phương Thanh	13/03/1999	Nữ	Bắc Giang	3.00	Khá
67	17060238	Lù Thị Thêm	23/04/1999	Nữ	Lào Cai	2.96	Khá
68	17060242	Đào Anh Thu	27/04/1999	Nữ	Phú Thọ	3.05	Khá
69	17060246	Nguyễn Cao An Thùy	10/04/1999	Nữ	Hà Tĩnh	2.94	Khá
70	17060252	Nguyễn Thị Kiều Trinh	04/02/1999	Nữ	Hà Nội	3.37	Giỏi
71	17060254	Hoàng Anh Tú	19/08/1999	Nữ	Cao Bằng	2.71	Khá
72	17060255	Nguyễn Thanh Tú	10/10/1997	Nam	Bắc Ninh	2.85	Khá
73	17060258	Nguyễn Thị Thu Uyên	04/01/1999	Nữ	Phú Thọ	3.34	Giỏi
74	17060259	Nguyễn Thị Vân	07/01/1999	Nữ	Hà Nội	3.24	Giỏi
75	17060267	Kiều Lan Anh	02/09/1999	Nữ	Nghệ An	3.07	Khá
76	17060272	Trần Lan Anh	09/07/1999	Nữ	Tuyên Quang	2.84	Khá
77	17060274	Nguyễn Việt Bắc	10/04/1999	Nam	Vĩnh Phúc	2.91	Khá
78	17060277	Thái Thị Linh Chi	26/10/1997	Nữ	Hà Tĩnh	3.34	Giỏi
79	17060287	Vì Thị Hương Giang	23/06/1997	Nữ	Yên Bái	2.63	Khá

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL toàn khóa	Xếp hạng
80	17060308	Trần Thị Khuê	04/04/1999	Nữ	Thanh Hóa	3.28	Giỏi
81	17060310	Nguyễn Văn Lâm	09/05/1999	Nam	Hà Nam	3.32	Giỏi
82	17060315	Phạm Thị Liên	15/09/1998	Nữ	Ninh Bình	3.46	Giỏi
83	17060317	Hoàng Phan Diệu Linh	01/11/1999	Nữ	Yên Bái	2.84	Khá
84	17060320	Nguyễn Thị Mỹ Linh	09/05/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	3.25	Giỏi
85	17060332	Phạm Hà Mi	06/04/1999	Nữ	Tuyên Quang	2.44	Trung bình
86	17060335	Trương Thị Trà My	30/06/1999	Nữ	Hà Tĩnh	2.88	Khá
87	17060338	Viên Thị Thu Nga	21/09/1999	Nữ	Lạng Sơn	2.81	Khá
88	17060348	Phạm Thị Hà Phương	06/10/1999	Nữ	Thanh Hóa	2.96	Khá
89	17060349	Vũ Ngọc Mai Phương	16/08/1999	Nữ	Thanh Hóa	2.97	Khá
90	17060360	Bùi Phương Thảo	13/08/1999	Nữ	Yên Bái	2.52	Khá
91	17060368	Lê Huyền Thu	29/11/1999	Nữ	Thanh Hóa	3.21	Giỏi
92	17060371	Vũ Anh Thư	18/10/1999	Nữ	Lai Châu	2.77	Khá
93	17060376	Phạm Thị Thanh Thủy	19/11/1999	Nữ	Phú Thọ	2.95	Khá
94	17060382	Nguyễn Thị Hà Trang	16/11/1999	Nữ	Thái Nguyên	2.71	Khá
95	17060383	Nguyễn Thu Trang	07/05/1998	Nữ	Sơn La	3.00	Khá
96	17060387	Đỗ Quốc Tuấn	29/07/1998	Nam	Hưng Yên	3.26	Giỏi
97	17060388	Vũ Tiến Tùng	02/05/1999	Nam	Hòa Bình	2.43	Trung bình
98	17060390	Đào Thị Uyên	05/09/1999	Nữ	Hưng Yên	2.93	Khá

Ấn định danh sách gồm 108 sinh viên./.



Phụ lục II

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Kèm theo quyết định số 2277 /QĐ-ĐHQGHN ngày 04 tháng 08 năm 2021
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Đơn vị đào tạo: **Khoa Luật**

Ngành: **Luật học**

Chương trình đào tạo: **Chất lượng cao**

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL toàn khóa	Xếp hạng
Khoá QH-2017-L							
1	17060036	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	02/10/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	3.38	Giỏi
2	17060078	Nguyễn Thị Yến Nga	05/02/1999	Nữ	Hải Phòng	3.46	Giỏi
3	17060122	Lê Anh Tùng	10/01/1999	Nam	Hà Nội	3.51	Giỏi
4	17060150	Nguyễn Thùy Dung	18/08/1999	Nữ	Tuyên Quang	3.42	Giỏi
5	17060151	Phạm Thị Thùy Dung	12/12/1999	Nữ	Ninh Bình	3.17	Khá
6	17060227	Phạm Thị Phượng	04/03/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	3.55	Giỏi
7	17060273	Hà Thị Ngọc Ánh	20/07/1999	Nữ	Phú Thọ	3.46	Giỏi
8	17060280	Đỗ Thị Anh Đào	03/10/1999	Nữ	Ninh Bình	3.42	Giỏi
9	17060295	Nguyễn Thị Thanh Hiền	04/06/1999	Nữ	Hải Dương	3.35	Giỏi
10	17060298	Vi Thị Thanh Hoài	02/02/1998	Nữ	Bắc Giang	3.54	Giỏi
11	17060302	Vũ Đức Hưng	08/12/1999	Nam	Thanh Hóa	3.51	Giỏi
12	17060341	Trần Thị Thanh Ngân	30/08/1999	Nữ	Thanh Hóa	3.28	Giỏi
13	17060345	Trần Thị Hồng Nhung	15/08/1998	Nữ	Nam Định	3.62	Xuất sắc

Ấn định danh sách gồm 13 sinh viên./.

Phụ lục III

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP VÀ CẤP BẰNG ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

(Kèm theo quyết định số 2277 /QĐ-ĐHQGHN ngày 04 tháng 08 năm 2021
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

Đơn vị đào tạo: **Khoa Luật**

Ngành: **Luật Kinh doanh**

Chương trình đào tạo: **Chuẩn**

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL toàn khóa	Xếp hạng
		Khoá QH-2013-L					
1	13060019	Nguyễn Thị Liên	21/11/1995	Nữ	Ninh Bình	2.73	Khá
		Khoá QH-2015-L					
1	15067039	Lê Đình Vũ	24/04/1996	Nam	Quảng Ninh	2.52	Khá
		Khoá QH-2017-L					
1	17061001	Lê Nguyễn An	13/11/1999	Nữ	Hà Nội	3.18	Khá
2	17061002	Chu Thị Phương Anh	08/04/1999	Nữ	Ninh Bình	3.12	Khá
3	17061003	Đỗ Lan Anh	13/08/1999	Nữ	Hà Nội	3.01	Khá
4	17061006	Lê Thị Ngọc Anh	17/11/1999	Nữ	Hà Nam	3.47	Giỏi
5	17061008	Ngô Vũ Quỳnh Anh	19/08/1999	Nữ	Hải Dương	3.21	Giỏi
6	17061009	Nguyễn Thị Phương Anh	15/07/1999	Nữ	Phú Thọ	3.07	Khá
7	17061011	Trần Ngọc Anh	18/10/1999	Nữ	Bắc Giang	3.39	Giỏi
8	17061012	Trần Thị Mỹ Anh	13/08/1999	Nữ	Nam Định	3.01	Khá
9	17061017	Nguyễn Thị Ánh	05/04/1999	Nữ	Hải Dương	3.16	Khá
10	17061020	Nguyễn Thị Bích	06/10/1999	Nữ	Hưng Yên	3.19	Khá
11	17061022	Nguyễn Minh Châu	29/06/1999	Nữ	Hà Nội	2.87	Khá
12	17061024	Vũ Minh Châu	05/07/1999	Nam	Thái Bình	3.45	Giỏi
13	17061026	Nguyễn Hà Phương Chi	05/12/1999	Nữ	Quảng Ninh	3.04	Khá
14	17061027	Nguyễn Hoàng Yến Chi	05/11/1999	Nữ	Thái Bình	2.98	Khá
15	17061029	Nguyễn Phương Chinh	03/01/1999	Nữ	Thái Bình	2.94	Khá
16	17061033	Trần Tiến Đạt	08/07/1999	Nam	Vĩnh Phúc	3.09	Khá
17	17061036	Phạm Thùy Dung	29/08/1999	Nữ	Hà Nội	3.20	Giỏi
18	17061037	Nguyễn Ngọc Dũng	12/06/1999	Nam	Thái Nguyên	2.67	Khá
19	17061039	Nguyễn Thủy Dương	27/05/1999	Nữ	Hà Nội	3.39	Giỏi

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL toàn khóa	Xếp hạng
20	17061040	Nguyễn Thuỳ Dương	29/05/1999	Nữ	Hà Nội	3.02	Khá
21	17061041	Lê Hương Giang	13/11/1999	Nữ	Hà Nội	2.76	Khá
22	17061042	Lê Thị Trà Giang	26/12/1999	Nữ	Thanh Hóa	3.11	Khá
23	17061043	Ngô Hương Giang	02/03/1999	Nữ	Phú Thọ	3.11	Khá
24	17061044	Trần Hương Giang	22/12/1999	Nữ	Bắc Ninh	3.20	Giỏi
25	17061045	Nguyễn Hải Hà	20/07/1999	Nữ	Hà Nội	3.22	Giỏi
26	17061046	Nguyễn Thị Hà	28/07/1999	Nữ	Hà Nội	3.36	Giỏi
27	17061047	Nguyễn Thị Ngọc Hà	17/12/1999	Nữ	Hải Dương	2.91	Khá
28	17061049	Vũ Phương Hà	27/11/1999	Nữ	Hải Dương	3.02	Khá
29	17061050	Đỗ Thị Thu Hằng	18/12/1999	Nữ	Ninh Bình	3.17	Khá
30	17061055	Vũ Thu Hiền	03/11/1999	Nữ	Hà Nội	2.97	Khá
31	17061056	Nguyễn Thị Phương Hoa	25/11/1999	Nữ	Hà Nội	2.98	Khá
32	17061058	Lưu Huy Hoàng	16/01/1999	Nam	Hà Nội	3.03	Khá
33	17061059	Nguyễn Thị Huệ	04/01/1998	Nữ	Nghệ An	3.01	Khá
34	17061062	Ngô Thanh Hương	12/07/1999	Nữ	Bắc Ninh	3.28	Giỏi
35	17061066	Vũ Quang Huy	07/10/1999	Nam	Bắc Ninh	2.87	Khá
36	17061067	Dương Khánh Huyền	03/05/1999	Nữ	Nghệ An	2.99	Khá
37	17061068	Nguyễn Thị Khánh Huyền	22/12/1999	Nữ	Hà Tĩnh	3.10	Khá
38	17061070	Phạm Đức Kiên	16/04/1999	Nam	Hà Nội	2.93	Khá
39	17061077	Nguyễn Bảo Linh	15/10/1999	Nữ	Hải Phòng	3.16	Khá
40	17061078	Nguyễn Khánh Linh	05/11/1999	Nữ	Hải Phòng	3.32	Giỏi
41	17061081	Nguyễn Khắc Long	07/11/1998	Nam	Bắc Ninh	3.01	Khá
42	17061084	Đoàn Thị Hương Ly	07/01/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	3.02	Khá
43	17061085	Kim Thị Hải Ly	19/11/1999	Nữ	Hòa Bình	3.19	Khá
44	17061086	Phạm Hương Ly	25/05/1999	Nữ	Quảng Ninh	2.91	Khá
45	17061089	Hoàng Phương Mai	11/10/1999	Nữ	Phú Thọ	3.23	Giỏi
46	17061091	Đào Quang Minh	13/08/1999	Nam	Hải Phòng	2.66	Khá
47	17061093	Nguyễn Thị Minh	01/04/1999	Nữ	Nghệ An	3.23	Giỏi
48	17061095	Phạm Trà My	22/10/1999	Nữ	Quảng Ninh	3.50	Giỏi
49	17061097	Vũ Hà My	14/05/1999	Nữ	Hải Phòng	2.76	Khá
50	17061100	Lê Thị Ngân	18/06/1999	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL toàn khóa	Xếp hạng
51	17061102	Đặng Ánh Ngọc	13/11/1999	Nữ	Quảng Ninh	3.27	Giỏi
52	17061105	Nguyễn Đào Ánh Ngọc	26/03/1999	Nữ	Quảng Bình	3.32	Giỏi
53	17061108	Hà Thị Thảo Nguyên	27/01/1999	Nữ	Yên Bái	3.01	Khá
54	17061109	Nguyễn Minh Nguyệt	03/10/1999	Nữ	Hà Nội	3.31	Giỏi
55	17061110	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	24/09/1999	Nữ	Thái Bình	2.36	Trung bình
56	17061114	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/08/1999	Nữ	Nam Định	3.02	Khá
57	17061116	Đinh Thị Vân Oanh	17/03/1999	Nữ	Lạng Sơn	3.19	Khá
58	17061128	Nguyễn Đức Quang	09/04/1999	Nam	Phú Thọ	3.09	Khá
59	17061129	Nguyễn Thế Quyền	22/08/1999	Nam	Hà Nội	3.14	Khá
60	17061130	Phan Minh Quyết	14/02/1999	Nam	Quảng Ninh	3.05	Khá
61	17061132	Đỗ Thị Hương Quỳnh	27/08/1999	Nữ	Hà Nội	3.00	Khá
62	17061134	Vũ Mai Quỳnh	12/06/1999	Nữ	Hải Dương	3.08	Khá
63	17061139	Cao Thị Phương Thảo	02/09/1999	Nữ	Hà Nội	2.89	Khá
64	17061141	Đỗ Thị Thanh Thảo	04/11/1999	Nữ	Ninh Bình	2.66	Khá
65	17061144	Vũ Quang Thoại	01/09/1999	Nam	Nam Định	2.96	Khá
66	17061145	Vũ Thị Thơm	13/10/1999	Nữ	Nam Định	2.94	Khá
67	17061147	Đồng Anh Thư	26/04/1999	Nữ	Thanh Hóa	2.93	Khá
68	17061148	Trần Nguyễn Anh Thư	06/12/1999	Nữ	Hà Nội	3.38	Giỏi
69	17061150	Lê Thị Thu Thủy	03/05/1999	Nữ	Hà Nam	2.75	Khá
70	17061153	Phạm Thị Thủy Tiên	09/12/1999	Nữ	Hải Phòng	3.27	Giỏi
71	17061154	Phạm Anh Tiến	25/05/1999	Nam	Quảng Ninh	2.80	Khá
72	17061155	Đặng Thị Mai Trang	29/06/1999	Nữ	Hà Tĩnh	2.85	Khá
73	17061157	Hoàng Thị Thu Trang	13/03/1999	Nữ	Hòa Bình	2.91	Khá
74	17061159	Nguyễn Thị Thùy Trang	07/09/1999	Nữ	Ninh Bình	3.39	Giỏi
75	17061160	Lương Thục Trinh	30/08/1999	Nữ	Hà Nam	3.32	Giỏi
76	17061162	Vũ Huy Trường	25/10/1999	Nam	Nam Định	3.10	Khá
77	17061163	Hoàng Thị Tứ	11/09/1999	Nữ	Quảng Ninh	3.43	Giỏi
78	17061166	Vũ Thị Tuyết	17/05/1999	Nữ	Yên Bái	3.38	Giỏi
79	17061168	Lê Thị Thảo Vân	12/08/1999	Nữ	Thanh Hóa	3.37	Giỏi
80	17061169	Trần Thanh Vân	07/01/1999	Nữ	Phú Thọ	3.14	Khá
81	17061171	Trần Ngọc Vỹ	05/07/1998	Nam	Hà Nam	3.13	Khá

ch

TT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm TBCTL toàn khóa	Xếp hạng
82	17061172	Nguyễn Thị Xuân	11/08/1999	Nữ	Vĩnh Phúc	2.90	Khá
83	17061173	Phan Thị Thanh Xuân	01/01/1999	Nữ	Quảng Nam	3.27	Giỏi

Ấn định danh sách gồm 85 sinh viên./.




